

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

BẢN TIN



TRUNG TÂM THÔNG TIN KINH TẾ - PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Số 20 (23) Tháng 6/2007

THỰC THI LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ LUẬT ĐẦU TƯ 2005: Vướng mắc còn tồn đọng

Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2006 và tính đến thời điểm này đã có một loạt nghị định, thông tư và quyết định hướng dẫn thi hành được ban hành. Thời gian qua tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều đã khẩn trương và tích cực triển khai thi hành hai Luật cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành; việc thực hiện hai Luật bước đầu đã có nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế, đặc biệt là khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO.¹ Tuy nhiên, thực tiễn thi hành hai Luật cũng cho thấy các cơ quan nhà nước có liên quan ở địa phương và doanh nghiệp còn gặp phải không ít vướng mắc, lúng túng trong việc thực thi đúng, đủ và kịp thời nội dung của hai Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành do i) các văn bản hướng dẫn còn chưa đầy đủ hoặc chưa rõ ràng; ii) năng lực chuyên môn của cán bộ cấp địa phương còn hạn chế trong việc hiểu và thi hành các điều khoản luật. Bản tin này đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại đối với việc thực thi hai Luật, hiện vẫn cần các giải pháp hướng dẫn tiếp theo trong thời gian tới.

Một số quy định về đăng ký kinh doanh còn được hiểu một cách quá cứng nhắc

Một trong những mục tiêu quan trọng của hai Luật là tạo điều kiện thuận lợi nhất về gia nhập thị trường cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thông tư liên tịch giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Công an về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết 3 thủ tục đăng ký kinh doanh (ĐKKD), đăng ký thuế và cấp phép khắc dấu cũng đã góp phần giảm số lần doanh nghiệp phải đi lại và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ ĐKKD. Tuy nhiên, hiện nay Phòng đăng ký kinh doanh ở một vài tỉnh, thành phố vẫn có những cách hiểu và giải quyết một cách rất cứng nhắc về hồ sơ ĐKKD, nhất là của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ví dụ điển hình là cách thức xử lý tên của doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp đã có một số quy định cụ thể về tên doanh nghiệp và việc đặt tên doanh nghiệp, xác định rõ các trường hợp trùng tên hoặc tên gây nhầm lẫn v.v. Cụ thể là, tên của doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt và ít nhất phải có 2 thành tố: (i) loại hình doanh nghiệp và (ii) tên riêng. Như vậy có thể hiểu là bất kỳ tên riêng nào của người nước ngoài đều có thể sử dụng làm tên riêng của doanh nghiệp. Ví dụ, Công ty trách

nhiệm hữu hạn Smith, hay Công ty cổ phần Venus, hay doanh nghiệp tư nhân Tony là hoàn toàn phù hợp với các quy định về tên doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp. Tuy vậy, điều đáng tiếc là vẫn còn có một số cán bộ Phòng ĐKKD đã không tiếp nhận hồ sơ ĐKKD, yêu cầu nhà đầu tư phải đổi tên doanh nghiệp lại bằng tiếng Việt, tên tiếng Việt đã đổi phải phát âm được² hoặc phải lấy tên của công ty mẹ ở nước ngoài (đã được đăng ký)³. Những yêu cầu này không phù hợp với quy định trong Luật, không hợp lý và kéo dài thời gian làm thủ tục ĐKKD.

Việc đăng ký một số ngành nghề kinh doanh cũng gặp không ít khó khăn. Theo Luật Doanh nghiệp, ngoài các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì không có quy định nào liên quan đến ngành kinh doanh "nhạy cảm". Tuy nhiên, cán bộ phòng ĐKKD ở nhiều địa phương vẫn có xu hướng "hỏi ý kiến các cơ quan liên quan" đối với việc đăng ký kinh doanh một số ngành dịch vụ như mát xa, karaoke, game online, đại lý internet, dịch vụ bảo vệ, thám tử tư...

Khó khăn khi sử dụng Giấy chứng nhận đầu tư làm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Theo quy định của Luật Đầu tư và Luật

Doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên đầu tư thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam phải có dự án đầu tư; và trong trường hợp này, nhà đầu tư được cấp giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT) đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD). GCNĐT trong trường hợp này không chỉ chứng nhận về một dự án đầu tư, mà cả xác nhận sự "ra đời" của một doanh nghiệp. Do đó, GCNĐT đồng thời là GCNĐKKD phải có cả nội dung của đăng ký kinh doanh và có giá trị pháp lý như GCNĐKKD. Tuy vậy, trên thực tế, nội dung của GCNĐT đồng thời là GCNĐKKD còn thiếu khá nhiều nội dung quan trọng của "đăng ký kinh doanh", chưa thật tương thích cả về quan niệm, hình thức và nội dung của GCNĐKKD. Vì vậy, việc đăng ký bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp có GCNĐT đồng thời là GCNĐKKD đang gặp không ít khó khăn, thậm chí chưa thực hiện được. Ví dụ, một số doanh nghiệp có GCNĐT đồng thời là GCNĐKKD ở một địa phương này khi sang địa phương khác để nghị mở chi nhánh thì cơ quan ĐKKD không chấp nhận với lý do họ đã không tiến hành việc ĐKKD theo quy định của Luật DN; hay một doanh nghiệp nước ngoài có GCNĐT đồng thời là GCNĐKKD muốn thay đổi nội dung ĐKKD hay thực hiện các thủ tục khác liên quan đến cơ quan ĐKKD mà vẫn chưa thực hiện được.

(Xem tiếp trang 4)



Bản tin này được phát hành với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Kinh tế Nhân dân MPDF, một chương trình được điều hành bởi Công ty Tài chính Quốc tế (IFC), bộ phận chuyên về kinh tế nhân dân của Tập đoàn Ngân hàng Thế giới và được tài trợ bởi nhiều nước và tổ chức.

"Môi trường Kinh doanh" tóm tắt và phân tích ngắn gọn về những vấn đề ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh ở Việt Nam và đưa ra một loạt các ý kiến của nhiều bên liên quan. Mục đích nhằm cung cấp cho những người quan tâm tới các vấn đề kinh doanh một cái nhìn tổng quan về một vấn đề môi trường kinh doanh cụ thể.

Những phân tích và quan điểm trình bày ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thêm thông tin tham khảo và không phải là quan điểm chính thức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Chương trình Phát triển Kinh tế Nhân dân MPDF/IFC.

Khi trích dẫn và phổ biến thông tin trong bản tin này, đề nghị dẫn nguồn VCCI/MPDF.

(1) Đánh giá 6 tháng thi hành Luật DN 2005, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) và Tổ công tác Thi hành Luật DN và Luật ĐT, 2007.

(2) Công ty TNHH ACE EMB (phải đổi lại thành Công ty TNHH Thêu Châu Á, nhưng vẫn không được chấp nhận với lý do đã có 18 doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh có tên Châu Á, nên tên riêng của doanh nghiệp bị trùng và buộc phải thay đổi tiếp), hay công ty TNHH Juno Việt Nam (phải đổi tên thành công ty TNHH Vệ Nữ Việt Nam).

(3) Thực tế là có rất nhiều doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam thông qua các công ty mẹ có tên khác với tên doanh nghiệp tại Việt Nam. Thí dụ, tên doanh nghiệp ở Việt Nam là Coca Cola, nhưng tên công ty mẹ ở nước ngoài là Fraser & Neaves.

Một số quy định về đăng ký kinh doanh còn được hiểu một cách quá cứng nhắc



● Hiện nay hầu hết các dịch vụ đều được coi là những ngành nghề nhạy cảm như mát xa, karaoke, game online, đại lý internet, dịch vụ bảo vệ, thám tử tư, đòi nợ... Các cơ quan nhà nước thường lo ngại không quản lý được những dịch vụ đó nên tìm cách hạn chế, thậm chí cấm đoán với lý do các vi phạm pháp luật dễ xảy ra. Cơ quan nhà nước cũng có thể đưa thêm các điều kiện ngặt nghèo mà những cơ sở thực hiện dịch vụ đó nếu hành nghề đều phải vi phạm và khi có bất kỳ sự

việc nào đó xảy ra thì những cơ sở này đều có thể phải đóng cửa với lý do không đảm bảo điều kiện hoạt động. Chúng tôi cho rằng hầu hết các nhà kinh doanh hiện nay đều mong muốn hoạt động kinh doanh lành mạnh, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đáp ứng nhu cầu phong phú của xã hội và đóng thuế cho nhà nước. Do đó, việc tạo điều kiện cho các nhà đầu tư có cơ hội phát triển chứ không phải là lập ra các hạn chế để quản lý sẽ là cách thực hiện tốt nhất Luật DN và Luật ĐT.

Luật sư Trần Vũ Hải

Trưởng Văn phòng luật sư Trần Vũ Hải



● Hiện nay việc đăng ký kinh doanh (ĐKKD) còn mang nặng tính hình thức. Tính hình thức được hiểu là những nội dung ĐKKD yêu cầu phải có, nhưng trên thực tế, cơ quan quản lý kinh doanh không kiểm soát, không thể kiểm soát, ít ra là vào thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành lập.

Thứ nhất là về tên doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp được quy định phải ghi bằng tiếng Việt. Ngoài ra, một số Sở KHĐT còn quy định không được dùng chữ “Việt Nam” trên

tên gọi, mặc dù không rõ quy định đó ở đâu. Mặt khác, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài muốn sử dụng tên bằng tiếng nước ngoài thì chỉ được dùng tên của công ty mẹ. Chính vì quy định này mà có những tên tiếng nước ngoài khi dịch sang tiếng Việt Nam hoàn toàn không mang một ý nghĩa nào như CÔNG TY HẬU CẦN QUYỀN LỰC (Power Logistics Corporation), CÔNG TY CHUYÊN NHÂN TẠO (Artificial Pro Inc.) CÔNG TY SẢN XUẤT PHIM BẠC (Silver Production) ... Có thật sự cần thiết không khi chúng ta muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam bằng quy định chỉ mang tính cứng nhắc như vậy. Bảo vệ tiếng Việt bất kể ý nghĩa của nó khiến cho tiếng Việt trở nên tối nghĩa. Thực tế không có khái niệm thuần Việt, thuần Anh hay thuần Pháp. Ngôn ngữ phát triển là do hoà nhập, học hỏi. Trong tiếng Việt có rất nhiều từ có gốc tiếng Hán, cũng là tiếng nước ngoài. Nhìn quanh ta, các nước đều cho phép doanh nghiệp sử dụng tiếng nước ngoài để đặt tên nhằm nâng cao khả năng hội nhập. Ở Trung Quốc có công ty Lenovo, Haier, Chery, Alibaba.com v.v. là những doanh nghiệp lớn đều sử dụng tiếng Anh để làm tên doanh nghiệp. Ở Hàn Quốc có Lucky Goldstar (sau này là LG) không phải là tiếng Hàn. Ở Nhật có Sony cũng không phải là tiếng Nhật. Có lý không khi các doanh nghiệp Việt Nam đã có tên tuổi như X-MEN, KIDO, NINO, KAILA, MAXX, VNEXPRESS, VIETNAMNET lại không thể dùng tên thương mại của mình để đặt tên cho doanh nghiệp với những quy định như vậy. Việc đặt tên DN cốt sao cho dễ nhớ, dễ ăn sâu vào tâm trí người tiêu dùng mới là mục đích của nhà đầu tư. Như vậy, việc buộc đặt tên bằng tiếng Việt, bất kể tên đó có ý nghĩa không, có trong sáng không và có ăn sâu vào tâm trí người tiêu dùng không, vô hình chung là một quy định quá hình thức, gây cản trở cho doanh nghiệp Việt Nam so với doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên cùng địa bàn.

Việc quy định tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải là tên công ty mẹ cũng là một cản trở với các doanh

nh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam thông qua các công ty mẹ có tên khác với tên doanh nghiệp tại Việt Nam. Thí dụ, tên doanh nghiệp ở Việt Nam là Coca Cola, nhưng tên công ty mẹ ở nước ngoài là Fraser & Neaves. Có lẽ, việc quy định như vậy là để tránh trường hợp nhầm lẫn với tên doanh nghiệp khác. Tuy nhiên quy định như vậy là hình thức và gây khó khăn cho doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp đặt tên thì họ phải chịu trách nhiệm về tên gọi của mình không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp khác. Khái niệm “gây nhầm lẫn” là phạm trù của luật sở hữu trí tuệ. Đối với đăng ký doanh nghiệp, chỉ cần quy định ai đăng ký trước được ưu tiên đặt tên trước (first in, first out) là đủ.

Ông Lê Nết, thành viên cố vấn Văn phòng Luật sư LCT Lawyers



● Về tên DN quy định như hiện nay thì tên hộ kinh doanh được bảo hộ trong phạm vi quận/huyện; tên DNTN, Cty TNHH, CTCP và hợp danh được bảo hộ trong phạm vi của tỉnh nơi doanh nghiệp đó kinh doanh. Do đó, đã có quá nhiều DN cùng tên giữa các tỉnh (ví dụ HASICO Hải Phòng và HASICO Hà Nội). Việc thực thi Luật DN nên tiếp tục có sự phối hợp từng bước giữa phòng ĐKKD và Cục Sở hữu Công nghiệp (NOIP) để DN có thể tiến hành bảo hộ tên thương mại trên toàn quốc. Ngoài

ra, cũng cần tiếp tục chuẩn hóa số đăng ký kinh doanh toàn quốc, ví dụ hai số đầu tiên là mã tỉnh, hai số tiếp theo là mã quận, các số tiếp là mã doanh nghiệp. Khi đó đọc mã doanh nghiệp đi kèm tên doanh nghiệp người kinh doanh cũng có thể đoán ra doanh nghiệp được đăng ký ở địa phương nào.

Ông Phạm Duy Nghĩa, Trưởng bộ môn Luật Kinh doanh Khoa Luật, Đại học Quốc gia



● Vấn đề danh mục những ngành nghề có điều kiện và điều kiện kinh doanh tương ứng chưa được giải quyết một cách triệt để, vẫn tùy thuộc vào “thiện chí” của các bộ ngành mặc dù luật quy định chỉ có Luật, Pháp lệnh, Nghị định và Quyết định của Thủ tướng mới có quyền ban hành ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Một khi ngành nghề kinh doanh có điều kiện (cũng như lĩnh vực đầu tư có điều kiện) chưa được ban hành bởi một cơ quan có

thẩm quyền mà vẫn do các Bộ ngành xây dựng và trình duyệt thì không thể tránh được tình trạng “quản đến đâu thì mở đến đó”.

Hiện nay lại xuất hiện vấn đề mới liên quan đến đầu tư đó là “lĩnh vực đầu tư có điều kiện” và “điều kiện đầu tư đối với những dự án đầu tư trong lĩnh vực đầu tư có điều kiện”. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là “những khái niệm này là gì?” chưa được hướng dẫn cụ thể khiến nhà đầu tư và địa phương rất khó, thậm chí không thể xác định được cụ thể và nhất quán về các “điều kiện mà dự án phải đáp ứng”, do đó doanh nghiệp không thể lập được báo cáo giải trình về “điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng”. Sự không rõ ràng này làm cho một số dự án được coi là có điều kiện đã không thể triển khai. Về thủ tục đầu tư, cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về hình thức, nội dung của một số giấy tờ như “Báo cáo năng lực tài chính”, “Báo cáo giải trình những điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng”, dẫn đến việc các nhà làm luật đã bỏ ngỏ trách nhiệm và thời gian của các Bộ ngành liên quan đến các dự án yêu cầu phải có ý kiến thẩm tra. Do đó, thời hạn lấy ý kiến của các Bộ, ngành trong thực tế dài hơn, vượt xa so với quy định trong luật.

Ông Vũ Duy Thái Chủ tịch Hiệp hội Công thương TP Hà Nội

(*) Toàn bộ phần ý kiến của bản tin này được trích từ bài phát biểu của các đại biểu tại i) Hội thảo về “Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp 2005: Đánh giá thực tiễn triển khai và kiến nghị giải pháp”, VCCI, Tổ công tác thi hành hai luật và Dự án Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của GTZ, tháng 5 năm 2007 tại Hà Nội và ii) Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tập đoàn Tài chính Quốc tế, tháng 5 năm 2007

Khó khăn khi sử dụng Giấy chứng nhận đầu tư làm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

● Gần đây Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định 1088/2006/Q-BKH ngày 19-10-2006 ấn định ba mẫu GCNT: (i) đầu tư nhưng không lập doanh nghiệp (mẫu trong phụ lục II-1), (ii) có lập chi nhánh (mẫu II-2) và (iii) lập doanh nghiệp (mẫu II-3). Hơn nữa, hai mẫu sau không còn có câu "GCNT đồng thời là GCNKD" ở cuối cùng như trước; mà ở gần đầu văn bản dưới hàng "Người đại diện" có ghi ngay câu: "đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau". Như thế nghĩa là một công ty của người nước ngoài tăng vốn dự án, hay của người trong nước xin đặc khoản đầu tư thì họ sẽ được cấp mẫu II-1; nếu đã từng hoạt động nay lập một dự án mới và ở một tỉnh khác thì công ty nước ngoài sẽ được cấp mẫu II-2; còn người nước ngoài lần đầu tiên đầu tư vào Việt Nam sẽ được cấp mẫu II-3. Phải mất gần 20 năm (1987-2006) để đạt được một sự cải tiến rất đáng kể này - một sự thay đổi trong tư duy đã biến thành hành động!

Hiện nay hai cơ quan ban hành và quản lý GCNKD và GCNT đều nằm trong Sở Kế hoạch và Đầu tư. Vì vậy vấn đề mấu chốt là hai cơ quan này phải thông tin qua lại thường xuyên để cập nhật tình hình ĐKKD của cả hai khối nhà đầu tư trong và nước ngoài. Theo tôi, một nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã được cấp GCNT, khi muốn mở chi nhánh ở một tỉnh khác thì nên đến bộ phận quản lý đầu tư nước ngoài của địa phương sở tại (thay vì bộ phận đăng ký kinh doanh). Như vậy sẽ phù hợp hơn đối với công tác quản lý đầu tư vì doanh nhân nước ngoài vẫn khác với doanh nhân trong nước về nguồn gốc vốn. Điều này hoàn toàn không đi ngược lại với nguyên tắc tạo một "sân chơi bình đẳng" giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Để thực hiện đồng bộ ở tất cả các địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên ra một chỉ thị rõ ràng cho tất cả các Sở trực thuộc rằng: phải phân biệt cho rõ công ty của người nước ngoài nào đã có GCNT ở một tỉnh khác, không lập một dự án nào ở tỉnh mình, mà chỉ xin lập chi nhánh thì phải coi GCNT của họ là GCNKD theo LDN - chứ không chỉ thuần túy là một văn kiện xác lập một hành vi kinh doanh - và cho họ lập chi nhánh. Nếu họ có một dự án mới lập ở tỉnh mình thì họ có mẫu II-2, trong đó họ đã đăng ký lập chi nhánh ở tỉnh mình rồi. Còn công ty của người Việt Nam thì chỉ khi nào họ lập một dự án mới ở tỉnh mình và có xin đặc khoản đầu tư thì mới cần mẫu II-2, qua đó họ được lập chi nhánh và không cần phải đăng ký thành lập chi nhánh theo LDN nữa. Một chỉ thị rõ ràng của Bộ sẽ chấm dứt tình trạng "càng làm càng rắc rối" này.

Ông Nguyễn Ngọc Bích, Tổng giám đốc, DC Law



● Nội dung LDN và LĐT còn có nhiều điểm chồng chéo và không tương thích gây khó khăn cho việc thực thi và áp dụng hai luật. Phạm vi điều chỉnh của LDN là việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của DN, còn phạm vi điều chỉnh của LĐT là hoạt động đầu tư nhằm thực hiện mục đích kinh doanh. Rõ ràng về nguyên tắc thì hai luật hoàn toàn tách bạch nhau nhưng khi đi vào chi tiết cụ thể thì lại có sự chồng chéo nhau.

Liên quan đến vấn đề hoạt động của DN

đáng lẽ ra LĐT chỉ cần điều chỉnh việc cấp GCNT nhằm xác nhận những ưu đãi mà dự án được hưởng, nhưng trên thực tế LĐT lại điều chỉnh cả việc cấp GCNKD cho DN qua quy định: GCNT đồng thời là GCNKD. Như vậy LĐT đã lấn sân sang cả LDN và tạo ra vướng mắc khó giải quyết là như việc một DN có GCNT đồng thời là GCNKD thì liệu có thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh để sửa đổi đăng ký sau này được không? Để thống nhất trong việc quản lý nhà nước về doanh nghiệp, cần phải trả lại thẩm quyền đăng ký kinh doanh cho LDN.

LĐT còn có sự phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư trong nước phải xin dự án đầu tư theo LĐT và phải thành lập tổ chức kinh tế theo LDN; còn nhà đầu tư nước ngoài chỉ cần có GCNT đồng thời là GCNKD. Sau khi nhận được giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư cũng không vì thế mà có thể cắt đuôi được các giấy phép khác như: giấy phép xây dựng, giấy phép của cơ quan quản lý đất đai, giấy phép của cơ quan quản lý môi trường và các giấy phép có liên quan đến hoạt động của dự án đầu tư đó. Như vậy chúng nhận đầu tư không thay thế được các loại giấy phép trên. Vậy câu hỏi đặt ra là DN cần GCNT để làm gì? Theo nguyên tắc thì việc đã được cấp GCNT tức là đã đủ điều kiện để đầu tư, và tất cả các điều kiện về dự án đều đã hợp pháp. Vậy tại sao lại buộc nhà đầu tư lại phải xin các loại giấy phép khác. Quản lý nhà nước về đầu tư như vậy liệu đã có sự thống nhất hay chưa?

Ông Cao Bá Khoát, Luật Gia, Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Doanh nghiệp K & Cộng sự

Năng lực thẩm định dự án đầu tư quy mô lớn của cơ quan cấp phép đầu tư cấp tỉnh còn hạn chế



● Sự phân cấp mạnh hơn cho địa phương trong thẩm quyền cấp phép đầu tư là điểm mới quan trọng mà đa số các địa phương đều nhanh chóng nắm bắt được và thực hiện tốt. Tuy nhiên còn nhiều điểm vướng mắc vì các cán bộ cơ sở thường không muốn vận dụng sáng tạo để giải quyết cho doanh nghiệp mà có xu hướng hỏi ý kiến của cấp trên. Điều đó đòi hỏi các quy định của Luật DN và Luật ĐT phải được hướng dẫn một cách minh bạch, tránh những cách hiểu và

thực hiện khác nhau ở các địa phương. Có những mâu thuẫn giữa ưu tiên kết hợp thực hiện Luật DN, Luật ĐT với cải thiện môi trường kinh doanh ở cấp địa phương. Có nơi thì quan tâm đến việc thu hút các dự án lớn mà chưa chú trọng cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do đó, cần quan tâm đúng mức giữa nội dung cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân và các biện pháp xúc tiến đầu tư. Hiện nay thủ tục liên quan đến triển khai dự án đầu tư của doanh nghiệp rất phức tạp, kể cả khi đã được cấp GCNT, thì hành trình tiếp theo còn rất gian nan. Do vậy

cần nghiên cứu để sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính pháp lý về trình tự, thủ tục trong thực hiện đầu tư của doanh nghiệp; áp dụng cơ chế "Một cửa liên thông" trong cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Ông Nguyễn Phương Bắc, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Ninh

● Hiện nay các nhà đầu tư nước ngoài vẫn phàn nàn về sự chậm trễ và ách tắc trong công tác giải quyết các hồ sơ cấp phép đầu tư nước ngoài ở địa phương. Cho dù LĐT đã phân cấp mạnh mẽ cho địa phương trong công tác thẩm định và cấp phép đầu tư, các cán bộ địa phương vẫn có xu hướng hỏi ý kiến "cấp trung ương" đối với các dự án quan trọng hoặc phức tạp do trình độ và kinh nghiệm còn hạn chế. Hơn nữa phải thừa nhận rằng thực tế cuộc sống luôn đi nhanh hơn luật. Cán bộ trình độ thấp thường có xu hướng sử dụng luật một cách cứng nhắc để giải quyết. Hậu quả là giải pháp đưa ra không phù hợp với thực tế cuộc sống. Đó là chưa kể chế độ chịu trách nhiệm công chức ở nước ta rất yếu, cũng chưa có chế tài phạt nào cụ thể nếu họ không trả kết quả đúng hạn cho nhà đầu tư!

Ông Nguyễn Ngọc Bích, Tổng giám đốc, DC Law

Thực hiện cam kết WTO và quyền của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài



Bộ Thương mại và Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp với nhau để hướng dẫn chi tiết hơn đối với việc thực hiện các cam kết WTO cho các địa phương. Vấn đề lớn nhất hiện nay của các địa phương là việc đăng ký kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài trong các ngành dịch vụ. Về nguyên tắc những ngành dịch vụ nào đã được “mở” và “mở hơn” so với cam kết WTO thì áp dụng chính sách đã có.

Tuy nhiên các cán bộ địa phương có xu hướng áp dụng “tối thiểu” - tức là những gì có trong cam kết WTO.

Ông Nguyễn Ngọc Bích, Tổng giám đốc, DC Law

Theo cam kết WTO, Việt Nam phải cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được kinh doanh xuất nhập khẩu kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Để thực hiện Cam kết WTO, Chính phủ đã ban hành Nghị định 23/2007/NĐ-CP cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tiến hành kinh doanh xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, việc cấp phép kinh doanh xuất nhập khẩu lại phải đợi đến khi Bộ Thương mại ban hành một thông tư hướng dẫn cụ thể về việc kinh doanh xuất nhập khẩu (Công văn 1709/TM-KHDT ngày 27/3/2007). Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài rất mong Bộ Thương mại sớm ban hành thông tư để doanh nghiệp có thể thực hiện kinh doanh xuất nhập khẩu.

Ông Trần Anh Đức, Công ty Luật Vilaf, thành viên Nhóm Sản xuất & Phân phối, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

(Tiếp theo trang 1)

Năng lực thẩm định dự án đầu tư quy mô lớn của cơ quan cấp phép đầu tư cấp tỉnh còn hạn chế

Luật Đầu tư phân cấp triệt để cho chính quyền địa phương trong việc giải quyết các thủ tục cấp GCNĐT và quản lý dự án đầu tư. Việc phân cấp, về nguyên tắc, sẽ tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các địa phương trong việc cải thiện thủ tục hành chính để thu hút đầu tư. Đây cũng là một cách đánh giá năng lực, tính năng động của từng địa phương. Tuy nhiên, chuyên gia tỏ ý lo ngại về khả năng có những địa phương do trình độ, năng lực cán bộ yếu sẽ gây phản tác dụng cho phân cấp, đặc biệt trong công tác thẩm định dự án đầu tư. Ngoài ra, do các văn bản pháp luật về quản lý đầu tư còn chồng chéo, mâu thuẫn, việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước ở các Bộ, ngành với nhau và với địa phương còn yếu kém, dẫn đến hai hiện tượng khá phổ biến là chờ đợi, đùn đẩy trách nhiệm lên cấp trên khiến một số dự án kéo dài; hoặc thiếu sự hỗ trợ, tư vấn cần thiết từ các Bộ, ngành khiến việc thẩm định dự án còn sơ sài, thiếu hiệu quả. Hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trương thành lập các tổ công tác để hỗ trợ các địa phương khi gặp phải các dự án lớn phức tạp. Thiết nghĩ đây là việc làm cần thiết trong giai đoạn đầu triển khai Luật Đầu tư; tuy nhiên việc có hướng dẫn chi tiết, rõ ràng đối với các quy định có liên quan đến đầu tư của Luật đầu tư, luật xây dựng, luật đất đai, luật bảo vệ môi trường, luật kinh doanh bất động sản v.v.. cũng như tăng cường năng lực, chuyên môn và thái độ của cán bộ địa phương đối với nhà đầu tư phải được coi là biện pháp cơ bản và dài hạn để tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của Luật đầu tư.

Thực hiện cam kết WTO và quyền của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Kể từ 2007, Việt Nam chính thức thực hiện các cam kết với WTO. Một số hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài cho rằng quá trình cấp phép đầu tư hiện tại đối với nhà đầu tư nước ngoài, trong nhiều trường hợp, còn khó khăn hơn trước khi Việt Nam gia nhập WTO. Thực tế cho thấy không chỉ các nhà đầu tư mà cả các cơ quan quản lý nhà nước cũng đang rất lúng túng trong việc hiểu và áp dụng các cam kết này. Việc giải thích nội dung cam kết còn có sự khác nhau, thậm chí mâu thuẫn giữa các cơ quan ở các địa phương khác nhau đã và đang gây nhiều khó khăn cho nhà đầu tư, làm chậm quá trình xem xét và cấp phép đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ. Nhiều công chức địa phương, do sợ vượt thẩm quyền cho phép và vì hiểu nhầm các cam kết WTO, có xu hướng hiểu các quy định về cam kết WTO theo nghĩa hẹp nhất, thậm chí đã từ chối việc cấp phép kinh doanh, đặc biệt đối với một số ngành nghề dịch vụ. Thực tế cho thấy còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng và chưa được

hiểu thống nhất liên quan đến việc doanh nghiệp trong nước, đặc biệt những DN đang kinh doanh những ngành nghề dịch vụ thuộc sự điều chỉnh của cam kết WTO bán cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài, thủ tục liên quan, tỷ lệ tối đa nhà đầu tư nước ngoài có thể mua... Thực trạng này cho thấy tính cấp thiết của việc ban hành một nghị định để hướng dẫn thực hiện: i) các cam kết WTO được thỏa thuận ở mức chặt chẽ hơn mức độ cho phép của pháp luật hiện hành; ii) có quan điểm thống nhất từ trung ương đến địa phương trong việc cho phép hay không cho phép thực hiện các dự án đầu tư trong ngành dịch vụ không được liệt kê trong Biểu cam kết dịch vụ; iii) có biện pháp xử lý các xung đột giữa cam kết WTO và cam kết ở các điều ước quốc tế khác.

Tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam giữa kỳ vào tháng 5 năm 2007, Nhóm Sản xuất & Phân phối đã đưa ra một số kiến nghị cụ thể về một số qui định trong hai Luật cần có các văn bản hướng dẫn chi tiết hơn, cụ thể là:

(i) Các điều kiện cụ thể đối với các lĩnh vực kinh doanh có điều kiện được ban hành kèm theo Nghị định 108 của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006;

(ii) Chưa có hướng dẫn thủ tục chi tiết đối với việc chuyển nhượng vốn và chuyển nhượng dự án. Thủ tục của chuyển nhượng dự án theo qui định tại Điều 66, Nghị định 108 thì lại dẫn chiếu đến chuyển nhượng vốn. Doanh nghiệp không biết phải nộp những tài liệu gì cho cơ quan nhà nước khi tiến hành chuyển nhượng vốn hoặc chuyển nhượng dự án;

(iii) Hướng dẫn về qui trình xác nhận vốn pháp định và cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định đối với các ngành nghề phải có vốn pháp định theo Luật Doanh nghiệp;

(iv) Hướng dẫn thủ tục chuyển đổi Hợp đồng hợp tác kinh doanh thành liên doanh cũng như các hình thức chuyển đổi doanh nghiệp;

(v) Bầu “dồn phiếu”: Hiện nay có hai cách hiểu khác nhau về vấn đề này: a) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban KS chỉ phải đáp ứng điểm c khoản 3 Điều 104 tức là lấy theo tỷ lệ từ cao xuống thấp (không cần đáp ứng tỷ lệ 65% tổng số phiếu biểu quyết); b) Theo cách hiểu của cụm từ “đủ các điều kiện sau” thì việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban KS phải đáp ứng cả khoản a và c. Nghĩa là được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, nhưng một ứng cử viên trúng cử phải có được ít nhất 65% tổng số phiếu. Theo thông lệ quốc tế thì phải hiểu theo cách a để bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số. Trên thực tế, các cơ quan nhà nước đã giải thích theo cách thứ hai và đã không bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số theo thông lệ quốc tế.